

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG**  
**TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2022/KDTM-ST  
Ngày: 15-7-2022  
“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VINH LONG, TỈNH VINH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Thị Mỹ Thuận

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Cường  
2. Bà Dương Thị Phụng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn An Phước – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Yến Nhi – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2021/TLST-DS, ngày 19 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP K. Địa chỉ trụ sở: phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

*Người đại diện theo pháp luật:* Bà Trần Tuấn A. Chức vụ: Tổng Giám đốc.  
*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn B. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP K – chi nhánh Vĩnh Long (Giấy ủy quyền số 1373 ngày 18/8/2020). *Người đại diện hợp pháp của Ông B:* Ông Nguyễn Minh Khánh D, sinh năm 1984. Chức vụ: Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP K – chi nhánh Vĩnh Long. Địa chỉ liên lạc: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền số 01 ngày 17/3/2021). Có mặt.

**- Bị đơn:**

1. Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

2. Bà Trương Kim P, sinh năm 1962. Địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà P: Ông Tô Văn Đ, sinh năm 1960. Địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. (Văn bản ủy quyền ngày 30/6/2021). Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Đ và bà P: Ông Trần Đ T, sinh năm 1981. Địa chỉ: Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2021 và ngày 15/6/2022); Có mặt.

Địa chỉ liên lạc: Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Tô Đ H, sinh 1986. Vắng mặt.
  2. Anh Tô Đ N, sinh năm 1988. Vắng mặt.
  3. Anh Tô Đ N1, sinh năm 1990. Vắng mặt.
  4. Anh Tô Đ N2, sinh năm 1993. Vắng mặt.
  5. Anh Tô Đ T1, sinh năm 2002. Vắng mặt.
  6. Bà Tô Thị T2, sinh năm 1942. Vắng mặt.
  7. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1944. Vắng mặt.
  8. Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1956. Địa chỉ liên lạc: Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Có mặt.
  9. Anh Trần Khánh T3, sinh năm 1995. Vắng mặt.
  10. Chị Lê Trần Gia H2, sinh năm 1992. Vắng mặt.
- Cùng địa chỉ: Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26/02/2021 cùng các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP K (gọi tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Minh Khánh D là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ngân hàng TMCP K với ông Tô Văn Đ và bà Trương Kim P xác lập với nhau: Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số: 172/15/HĐHM/1700-1494, ngày 25/06/2015, hạn mức cấp tín dụng là 2.800.000.000đ và Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng sửa đổi bổ sung số 172/15/HĐHM/1700-1494-1, ngày 23/12/2016, hạn mức cấp tín dụng là 3.300.000.000đ.

Đến ngày 12/11/2019, Ngân hàng và ông Đ, bà P xác lập hợp đồng tín dụng hạn mức số: 830/19/HĐTD/1700-5386, số tiền giải ngân 3.300.000.000 đồng theo ba Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 830.01/KUNN.CN ngày 12/11/2019; số 830.02/KUNN.CN ngày 13/11/2019 và số 830.03/KUNN.CN ngày 14/11/2019; mục đích vay vốn: Bổ sung vốn kinh doanh; thời hạn vay: 06 tháng; lãi suất vay: 10,7%/năm và thay đổi theo hợp đồng tín dụng số 830/19/HĐTD/1700-5386 ngày 12/11/2019; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất

vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; vốn vay trả cuối kỳ, lãi vay trả 01 tháng/01lần; Lãi suất chậm trả: 10%/năm.

Để đảm bảo nợ vay, Ngân hàng với ông Đ, bà P xác lập hợp đồng thế chấp số 172/15/HĐTC-BĐS/1700-1494, ngày 25/6/2015 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 172/15/HĐTC-BĐS/1700-1494-1, ngày 23/12/2016, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.154,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 1, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ông Đ và bà P trả được 07 kỳ lãi thì ngưng. Ngân hàng đã thông báo yêu cầu ông Đ và bà P thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng ông, bà không thanh toán nợ đúng hạn. Bắt đầu từ ngày 24/4/2020 chuyển nợ quá hạn. Tạm T1h đến ngày 14/4/2022, ông Đ và bà P còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 4.397.387.873 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 3.300.000.000đ; Lãi trong hạn: 19.442.192đ; Phạt chậm trả lãi: 3.733.627đ; Lãi quá hạn: 1.097.387.873đ.

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Đ, bà P liên đới thanh toán cho Ngân hàng 4.397.387.873 đồng và tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng T1 dụng hạn mức số 830/19/HĐTD/1700-5386, ngày 12/11/2019 từ ngày 14/4/2022 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và tiếp tục thanh toán cho đến khi nào trả dứt nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đ và bà P không thực hiện N1 vụ trả nợ hoặc trả không đầy đủ vốn, lãi và tiền phạt chậm trả lãi thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp và Tách các nguồn thu nhập khác để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng. Ông Đ và bà P phải chịu toàn bộ tiền án phí và các chi phí tố tụng khác có liên quan.

*Tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2022 và quá trình xét xử vụ án, anh Trần T Đ là người đại diện hợp pháp của ông Tô Văn Đ trình bày:*

Ông Đ, bà P có vay tiền của Ngân hàng nhưng vay dùm bà M, ông Đ hoàn toàn không sử dụng tiền vay và không phù hợp với quy mô kinh doanh của gia đình Đ, bà P. Anh thống nhất về số tiền gốc và lãi Ngân hàng đã tính đến ngày 14/4/2022 nhưng không đồng ý trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng.

*Tại biên bản hòa giải ngày 14/4/2022 và quá trình xét xử, bị đơn ông Tô Văn Đ trình bày:*

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án bổ sung và các thông báo tham gia hòa giải, công khai chứng cứ của Tòa án, ông nhận thay cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án nhưng họ đều không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, họ đều thống nhất với ý kiến của ông.

Ông thống nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tổng nợ gốc và lãi. Ông đồng ý trả toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng, không đồng ý trả lãi. Vì số tiền 3.300.000.000đ ông và bà P vay dùm bà Đỗ Thị M là chị ruột của ông. Ngân hàng giải ngân ông, bà hoàn toàn không nhận tiền mà do bà Đỗ Thị M - Giám đốc Công ty TNHH Phương T nhận tiền của ngân hàng. Gốc và lãi do bà M trả cho Ngân hàng. Mỗi lần đáo hạn Ngân

hàng đem hồ sơ vô tại nhà ông cho ông Đ và bà P ký tên vào. Giữa ông Đ, bà P với bà M hoàn toàn không có thỏa thuận gì về việc vay tiền thay này. Ông là người ký tên nhận các thông báo về việc thanh toán nợ ngày 19/6/2020, 20/7/2020 và 24/8/2020 của Ngân hàng.

*Bị đơn bà Trương Kim P do ông Tô Văn Đ là người đại diện hợp pháp trình bày:* Bà P thống nhất với lời trình bày của ông Đ, không còn ý kiến nào khác.

*Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/11/2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đỗ Thị M trình bày:* Bà là chị ruột của ông Tô Văn Đ. Bà thống nhất lời trình bày của ông Tô Văn Đ. Bà xác định khoản vay theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP K là nợ của bà, do ông Đ và bà P vay dùm bà, toàn bộ số tiền vay được Ngân hàng giải ngân cho bà, ông Đ và bà P hoàn toàn không sử dụng tiền vay này. Việc đóng lãi cũng do bà đóng. Thời điểm này bà là giám đốc Công ty TNHH Sản xuất xây dựng Phương T3, địa chỉ Phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, ngành nghề kinh doanh hột vẹt muối xuất khẩu. Ngân hàng không giao hợp đồng cho bà giữ nhưng mỗi khi đến hạn đóng lãi thì cán bộ Ngân hàng điện thoại đến công ty nhắc với nội dung “Đến hạn đóng lãi của khoản vay Tô Văn Đ”, Kế toán báo lại bà, có khi kế toán hoặc thủ quỹ đi đóng lãi hoặc bà nhờ người khác đóng thay. Từ dịch Covid đến nay Công ty của bà không hoạt động nữa. Toàn bộ tiền vay được chuyển khoản cho bà Trần Ngọc Th. Vì quy định của Ngân hàng không được rút tiền mặt nên bà M mượn tài khoản của bà Th để Ngân hàng chuyển khoản cho bà Th, bà Th rút ra và đưa tiền mặt cho bà nhận. Bà đồng ý còn nợ Ngân hàng như yêu cầu của Ngân hàng, bà sẽ cố gắng trả nợ cho Ngân hàng để không ảnh hưởng đến tài sản thế chấp, vì đây là tài sản của cha mẹ bà để lại.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan còn lại đều không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

#### ***Tại phiên tòa sơ thẩm:***

Ông Nguyễn Minh Khánh D là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông Đ và bà P phải trả nợ cho Ngân hàng T1h đến ngày 15/7/2022 tổng cộng 4.538.864.773đ. Trong đó: Nợ gốc 3.300.000.000đ; Lãi trong hạn: 19.442.192đ; Phạt chậm trả lãi: 4.223.677đ; Lãi quá hạn: 1.215.198.904đ và chịu toàn bộ án phí, chi phí tố tụng khác. Đồng ý sự tự nguyện của bà M cùng liên đới với ông Đ, bà P trả nợ cho Ngân hàng; yêu cầu giảm lãi của anh Trí Đ và bà M không thuộc thẩm quyền xem xét của anh D tại phiên tòa này.

Anh Trần Trí Đ là người đại diện hợp pháp của ông Tô Văn Đ và bà Trương Kim P ý kiến: Thống nhất lời trình bày của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, số tiền gốc và lãi đến ngày 15/7/2022 là nợ do ông Đ và bà P ký vay của Ngân hàng nhưng xác định vay dùm bà M. Ông Đ, bà P đồng ý liên đới cùng bà M trả trả nợ gốc và yêu cầu giảm lãi một phần, tổng cộng chỉ trả gốc và lãi là 4.000.000.000đ; đồng ý phát mãi tài sản thế chấp nếu bị đơn không thanh toán nợ.

Bà Đỗ Thị M ý kiến: Giữ nguyên ý kiến như lời trình bày tại biên bản ngày 16/11/2021, đồng thời bổ sung ý kiến: Bà tự nguyện liên đới cùng ông Đ và bà P thanh toán nợ gốc 3.300.000.000đ cho Ngân hàng; phần lãi bà đề nghị Ngân hàng không tính lãi từ ngày 16/7/2022 về sau, lãi từ ngày 24/4/2020 đến 15/7/2022 yêu cầu Ngân hàng giảm cho bà và ông Đ, bà P 50%, vì hoàn cảnh khó khăn, ảnh hưởng dịch bệnh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long phát biểu ý kiến:***

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản là chưa phù hợp. Vì hồ sơ có giấy đăng ký kinh doanh đại lý ga Đ H, mục đích ông Đ vay bổ sung vốn kinh doanh nên cần xác định lại là tranh chấp kinh doanh thương mại theo khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 30, 35, 39, 147, 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức T1 dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị M. Buộc ông Tô Văn Đ, bà Trương Kim P và bà Đỗ Thị M phải liên đới trả Ngân hàng TMCP K nợ vay tính đến ngày 15/7/2022 tổng cộng là 4.538.864.773đ (Bốn tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc 3.300.000.000đ; Lãi trong hạn: 19.442.192đ; Phạt chậm trả lãi: 4.223.677đ; Lãi quá hạn: 1.215.198.904đ

Trường hợp ông Đ, bà P và bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 172/15/HĐTC-BDS/1700-1494, ngày 25/6/2015 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 172/15/HĐTC-BDS/1700-1494-1, ngày 23/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông Tô Văn Đ và bà Trương Kim P để thu hồi nợ; Về chi phí tố tụng khác: Buộc ông Đ, bà P phải nộp 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Đ, bà P, bà M; Hoàn trả Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1] Về xác định loại án và quan hệ pháp luật tranh chấp:**

Căn cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn ông Tô Văn Đ là đại diện hộ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng Đ H theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 54.A.8001360 được Phòng Tài chính – Kế hoạch thành phố Vĩnh Long cấp, đăng ký lần đầu ngày 11/12/2003, đăng ký bổ sung, thay đổi lần 1, ngày 24/8/2011; Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số: 830/19/HĐTD/1700-5386 ngày 12/11/2019, mục đích vay vốn của ông Đ là bổ sung vốn kinh doanh; Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K là tổ chức có đăng ký kinh doanh và hoạt động vì mục đích lợi nhuận nên phải xác định đây là án kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

### **[2] Về tố tụng:**

Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà P về tranh chấp hợp đồng tín dụng vì cho rằng quyền và lợi ích của Ngân hàng bị xâm phạm là có quyền khởi kiện; bị đơn cư trú tại thành phố Vĩnh Long nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long. Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (trừ bà Đỗ Thị M) đều được triệu tập đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự trên. Vì vậy thủ tục tố tụng trong vụ án đảm bảo quy định tại các Điều 30, 35, 39, 186, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ phúc đáp ngày 28/4/2022 của Công an Phường B, thành phố V và lời khai của ông Đ tại biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2022 xác định bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1937 trước có đăng ký hộ khẩu thường trú tại nhà số 5/2, khóm 1, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long, bà N đã chết nhưng gia đình không khai tử nên chưa xóa hộ khẩu. Mặc dù, trong sổ hộ khẩu của ông Đ còn tên bà N nhưng thực tế bà N đã chết, nên không đưa bà N vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.**

Hợp đồng tín dụng hạn mức số: 830/19/HĐTD/1700-5386, ngày 12/11/2019 giữa Ngân hàng và ông Đ, bà P được xác lập là tự nguyện, công khai, phù hợp với quy định tại Điều 121 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015, mức cấp tín dụng là 3.300.000.000 đồng. Ông Đ và bà P là người ký tên vào ba Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 830.01/KUNN.CN ngày 12/11/2019, số tiền giải ngân 1.000.000.000đ; số 830.02/KUNN.CN ngày 13/11/2019, số tiền giải ngân 1.200.000.000đ và số 830.03/KUNN.CN ngày

14/11/2019, số tiền giải ngân 1.100.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân đúng số tiền trên cho người thụ hưởng tên Trần Ngọc Th nhận bằng hình thức chuyển khoản. Quá trình vay, ông Đ và bà P trả được 07 kỳ lãi với số tiền 253.813.780đ thì ngưng. Do ông Đ và bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 24/4/2020, Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn. Quá trình tố tụng ông Đ và bà P ý kiến: Ông, bà đồng ý lời trình bày của Ngân hàng về hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp, tổng nợ gốc, lãi của Ngân hàng nhưng chỉ đồng ý trả gốc, không đồng ý trả lãi. Ông Đ và bà P cho rằng vay dùm bà M. Tại phiên tòa, bà M tự nguyện liên đới cùng ông Đ và bà P thanh toán nợ cho Ngân hàng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà M. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K. Buộc ông Đ, bà P và bà M phải liên đới trả Ngân hàng TMCP K tạm tính đến ngày 15/7/2022 tổng cộng: 4.538.864.773đ. Trong đó: Nợ gốc 3.300.000.000đ; Lãi trong hạn: 19.442.192đ; Phạt chậm trả lãi: 4.223.677đ; Lãi quá hạn: 1.215.198.904đ.

Ông Đ, bà P và bà M phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ sau ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng trên nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

**[4]** Hợp đồng thế chấp ngày 25/6/2015 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung ngày 23/12/2016 giữa ông Đ, bà P với Ngân hàng là hợp pháp, công khai và được công chứng đúng quy định của pháp luật; Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 132, tờ bản đồ số 3, diện tích 1.154,2m<sup>2</sup> tọa lạc tại khóm 1, Phường 3, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh Long là đúng quy định tại Điều 167 và 188 của Luật Đất đai năm 2013. Nên Hợp đồng thế chấp số 172/15/HĐTC-BDS/1700-1494 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi bổ sung số 172/15/HĐTC-BDS/1700-1494-1 có hiệu lực pháp luật. Trường hợp ông Đ và bà P không tự nguyện thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng TMCP K được yêu cầu cơ quan Thi hành án Dân sự thực hiện các biện pháp xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung được ký kết giữa Ngân hàng với ông Đ, bà P để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 355 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 299 và 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Đ và bà P phải nộp 400.000đ để hoàn trả Ngân hàng TMCP K đã tạm ứng.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Ông Đ, bà P và bà M phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 112.538.864đ (cách tính:  $112.000.000đ + (0,1\% \times 538.864.773đ = 112.538.864đ)$ ). Tại phiên tòa, ông Đ, bà P và bà M có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí, vì đều trên 60 tuổi nên Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho các ông, bà theo quy định tại điểm đ khoản 1 các Điều 12, 14, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Như phân tích trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 30, 35, 39, 186, 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017); các Điều 324, 343, 355, 405, 715 và 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 299, 317, 318, 319, 320 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP K.**

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đỗ Thị M, Buộc ông Tô Văn Đ, bà Trương Kim P và bà Đỗ Thị M phải liên đới trả Ngân hàng TMCP K nợ vay tính đến ngày 15/7/2022, tổng cộng là 4.538.864.773đ (Bốn tỷ, năm trăm ba mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi bốn nghìn, bảy trăm bảy mươi ba đồng). Trong đó: Nợ gốc 3.300.000.000đ; Lãi trong hạn: 19.442.192đ; Phạt chậm trả lãi: 4.223.677đ; Lãi quá hạn: 1.215.198.904đ

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Tô Văn Đ, bà Trương Kim P và bà Đỗ Thị M còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho

vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Đ, bà P và bà M không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP K có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp được nêu theo hợp đồng thế chấp số 172/15/HĐTC-BĐS/1700-1494, ngày 25/6/2015 và Hợp đồng thế chấp sửa đổi, bổ sung số 172/15/HĐTC-BĐS/1700-1494-1, ngày 23/12/2016 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP K với ông Tô Văn Đ và bà Trương Kim P để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**2. Về chi phí tố tụng khác:** Buộc ông Tô Văn Đ, bà Trương Kim P phải nộp 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để hoàn trả Ngân hàng TMCP K đã tạm ứng.

**3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho ông Tô Văn Đ, bà Trương Kim P và bà Đỗ Thị M.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP K số tiền tạm ứng án phí đã nộp 79.096.000đ (bảy mươi chín triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000143 ngày 05/4/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án tại chính quyền địa phương để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh VL;
- Các đương sự;
- THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thị Mỹ Thuận**











